PHIẾU ÔN TOÁN TUẦN 05



Phần I: Trắc nghiệm

Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

- a) Số 0,25 đọc là:
- A. Phẩy hai năm

B. Hai lăm phẩy không

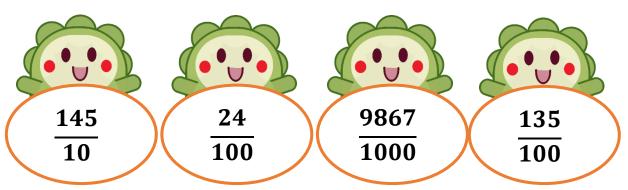
C. Không phẩy hai lăm

D. Không phẩy hai năm

- b) $\frac{1}{10}$ viết là:
- A. 0,1
- B. 0,001
- C. 0,01
- D. 1

- c) "Hai phẩy mười bảy" viết là:
- A. 2,71
- B. 2,17
- C. 7,12
- D. 0,127
- d) Số thập phân có phần nguyên là 45, phần thập phân là 67. Đó là số nào?
- A. 67,45
- B. 6,475
- C. 456,7
- D. 45,67

Bài 2: Nối



1,35

9,867

0,24

14,5

Bài 3: Điền vào chỗ trống (theo mẫu)

| Số thập phân gồm | Viết số |
|-------------------------------------|---------|
| Phần nguyên: 12, phần thập phân: 45 | 12,45 |
| Phần nguyên: 97, phần thập phân: 23 | |
| Phần nguyên: 17, phần thập phân: 56 | |
| Phần nguyên: 44, phần thập phân: 24 | |
| Phần nguyên: 33, phần thập phân: 44 | |

Phần II: Tự luận

Bài 1: Đọc các số thập phân 7,59; 4,02; 13,56; 22,15; 3,41 (theo mẫu)

Mẫu: 7,59 đọc là: Bảy phẩy năm mươi chín

Bài 2: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)

| Phân số | Phân số thập phân | Số thập phân |
|---------|-------------------|--------------|
| 2 | 4 | 0,4 |
| 5 | 10 | , |
| 13 | | |
| 4 | | |
| 7 | | |
| 20 | | |
| 47 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 8 | | |

Bài 3: Số?

$$4 g = kg$$

698 ml = 1

 $3,6 \text{ kg} = \dots \text{g}$

$$5,1 \text{ km} = \dots \text{ m}$$

 $987 \text{ m} = \dots \text{km}$

Bài 4: Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó

a)
$$\frac{56}{10}$$
 =

b)
$$\frac{981}{100}$$
 =

c)
$$\frac{87}{1000}$$
 =

Bài 5: Từ bốn thẻ dưới đây. Hãy lập tát cả các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số









.....

Bài 6: Số lớn nhất trong các số thập phân sau là:









Bài 7. Một ô tô trung bình mỗi giờ đi được 54000m. Hỏi mỗi phút ô tô đi được bao nhiều ki-lô-mét?

| Bài giải |
|---|
| |
| |
| |
| |
| |
| Bài 8. Viết ba số thập phân khác nhau nằm giữa hai số 0,309 và 0,313 mà mỗi |
| số có ba chữ số ở phần thập phân. |
| |
| |
| |